

Số: 1357/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu
và hướng dẫn sử dụng

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2021 và thay thế công văn số 2765/TCHQ-GSQL ngày 01/04/2015 của Tổng cục Hải quan về mã loại hình XNK trên hệ thống VNACCS.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tờ khai hải quan đã đăng ký theo loại hình tương ứng trước ngày Quyết định này có hiệu lực, nếu có thay đổi mục đích sử dụng, đăng ký tờ khai hải quan theo loại hình xuất khẩu, nhập khẩu mới thì sử dụng mã loại hình theo quy định tại Quyết định này kể từ thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới.

2. Đối với các mã loại hình đã được quy định tại Quyết định này nhưng thủ tục hải quan chưa được quy định cụ thể tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính thì chưa thực hiện cho đến khi có quy định cụ thể.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chỉ đạo các Chi cục Hải quan trực thuộc thông báo công khai Quyết định này tại các địa điểm làm thủ tục hải quan để người khai hải quan biết, thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổng hợp, báo cáo về Tổng cục Hải quan (qua Cục Giám sát quản lý về Hải quan) để được hướng dẫn thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phòng TM&CN Việt Nam (để phối hợp);
- Website hải quan (để thông báo);
- Lưu: VT, GSQL (10 b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Mai Xuân Thành



BẢNG MÃ LOẠI HÌNH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 1367 QĐ-TGHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

I. MÃ LOẠI HÌNH XUẤT KHẨU

TT	Mã LH	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
1	B11	X	Xuất kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp: a) doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán b) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả DNCX) thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc mua trong nước.	
2	B12		Xuất sau khi đã tạm xuất	Sử dụng trong trường hợp: a) Doanh nghiệp đã tạm xuất hàng hóa nhưng không tái nhập trở lại mà thay đổi mục đích sử dụng để bán, tặng hoặc dùng hàng hóa này với mục đích khác ở nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX. b) Hàng hóa đặt gia công ở nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX nhưng không tái nhập trở lại mà thay đổi mục đích sử dụng để bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa đã tạm xuất theo mã loại hình G61
3	B13	X	Xuất khẩu hàng đã nhập khẩu	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu (chưa qua quá trình gia công, chế biến) ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài; b) Hàng hóa thanh lý của doanh nghiệp chế xuất và máy móc, thiết bị được miễn thuế thanh lý theo hình thức bán ra nước ngoài hoặc bán vào DNCX; c) Xuất khẩu nguyên liệu, vật tư dư thừa của hoạt động gia công, SXKK, chế xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài;	

4	E42	X	Xuất khẩu sản phẩm của DNCX	Sử dụng trong trường hợp xuất khẩu sản phẩm của DNCX ra nước ngoài và xuất vào nội địa.	Trường hợp xuất vào nội địa phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ
5	E52	X	Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất sản phẩm cho đối tác thuê gia công ở nước ngoài hoặc giao hàng theo chỉ định của bên đặt gia công; b) Xuất khẩu sản phẩm gia công tự cung ứng nguyên liệu c) Xuất trả sản phẩm gia công cho DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan; d) Xuất khẩu suất ăn của hãng hàng không nước ngoài cho tàu bay xuất cảnh.	Trường hợp xuất vào DNCX, khu phi thuế quan phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
6	E54	X	Xuất nguyên liệu gia công từ hợp đồng này sang hợp đồng khác	Sử dụng trong trường hợp: Chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng này sang hợp đồng khác, không bao gồm việc chuyển thiết bị, máy móc.	Lưu ý: - Thiết bị máy móc khai báo theo chế độ tạm, khi chuyển mục đích sử dụng G23; - Trường hợp này phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
7	E62	X	Xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu nhập khẩu ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan (bao gồm trường hợp xuất cho thương nhân nước ngoài và được chỉ định giao hàng tại Việt Nam) b) Xuất khẩu suất ăn cho tàu bay của hãng hàng không Việt Nam	Trường hợp xuất vào nội địa phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
8	E82	X	Xuất nguyên liệu, vật tư thuê	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam xuất nguyên liệu, vật tư thuê nước ngoài gia công hoặc thuê DNCX gia công; Trường hợp xuất khẩu máy móc, thiết bị theo dõi bằng chế độ tạm G61.	

			gia công ở nước ngoài		
9	G21	X	Tái xuất hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng đã tạm nhập theo loại hình kinh doanh TNTX mã G11 (bao gồm hoán đổi xăng dầu tái xuất).	Doanh nghiệp tự xác định và khai thời hạn lưu giữ tại Việt Nam trên tờ khai hải quan. Trường hợp gia hạn phải thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin quản lý hàng TNTX.
10	G22	X	Tái xuất máy móc, thiết bị đã tạm nhập để phục vụ dự án có thời hạn	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân đã tạm nhập theo mã G12.	Doanh nghiệp tự xác định và khai thời hạn lưu giữ tại Việt Nam trên tờ khai hải quan. Trường hợp gia hạn phải thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin quản lý hàng TNTX.
11	G23	X	Tái xuất hàng tạm nhập miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập sử dụng mã G13, A44.	
12	G24	X	Tái xuất khác	Sử dụng trong các trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập theo mã G14.	
13	G61	X	Tạm xuất hàng hóa	Sử dụng trong trường hợp: a) Tạm xuất hàng hóa ra nước ngoài, vào khu phi thuế quan hoặc từ khu phi thuế quan ra nước ngoài theo chế độ tạm; b) Tạm xuất hàng hóa của cá nhân được nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; c) Hàng hóa tạm xuất để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác; d) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm xuất để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định hoặc phục vụ hoạt động đặt gia công nước ngoài;	

				<p>d) Hàng hóa tạm xuất để bảo hành, sửa chữa, thay thế;</p> <p>e) Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm xuất để chữa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>g) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu tạm xuất để sản xuất, thi công công trình thực hiện dự án, thử nghiệm;</p> <p>h) Tạm xuất hàng hóa khác.</p>	
14	C12	X	Hàng hóa từ kho ngoại quan xuất đi nước ngoài	<p>Sử dụng trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan ra nước ngoài hoặc đưa vào các khu phi thuế quan; - Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan này qua kho ngoại quan khác. 	
15	C22	X	Hàng đưa ra khu phi thuế quan	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan (trừ doanh nghiệp chế xuất, kho ngoại quan) ra nước ngoài hoặc vào thị trường nội địa.	
16	H21	X	Xuất khẩu hàng khác	<p>Sử dụng trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; b) Hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này; c) Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân; d) Hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; e) Hàng mẫu; g) Hành lý cá nhân của người xuất cảnh gửi theo vận đơn, hàng hóa mang theo người xuất cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế; h) Các hàng hóa khác chưa được định danh ở trên. 	